

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 749/2025/HS-ST

Ngày: 27/11/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Xuân Lang

2/ Bà Võ Thị Nam

3/ Ông Nguyễn Đình Cương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 1071/TLST-HS ngày 07/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6728/2025/QĐXXST-HS ngày 12/11/2025 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Phan Thị Đ**, sinh ngày 01/01/1986, tại tỉnh Đ; Thường trú: Ấp B, xã Y, huyện V, tỉnh Đ (nay là Ấp B, xã V, tỉnh Đ); Nơi cư trú: Số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị B; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 08/8/2011, Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh A xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 105/2011/HSST). Ngày 30/9/2015, chấp hành xong án phạt tù; Ngày 08/02/2017, Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh A xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 15/2017/HSST). Ngày 28/8/2019, chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2024 (có mặt).

2/ Họ và tên: **Trần Ngọc T**, sinh ngày 10/02/1996, tại tỉnh X (nay là tỉnh N); Thường trú: Ấp 4A, xã Tân T, huyện C, tỉnh X (nay là Ấp 4A, xã M, tỉnh N); Nơi cư trú: Số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ

Chí Minh (nay là Số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 8/12; con ông Trần Văn T1 và bà Văn Ngọc M; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2024 (có mặt)

+ **Người bào chữa:**

1/ Luật sư Lê Thị Quỳnh A, Công ty Luật TNHH Nam H1 và cộng sự, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T (có mặt).

2/ Luật sư Trần Ngọc H, Công ty Luật TNHH Hòa R, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phan Thị Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ 30 phút ngày 17/01/2024, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận E và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính chỗ ở của Phan Thị Đ, Trần Ngọc T, tại nhà số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường F, Quận E (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), Đ khai đang cất giấu ma túy tại chỗ ở, để bán cho người mua. Vì vậy, lúc 22 giờ cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đ và T, thu giữ các chất ma túy gồm 748,2999 gam Methamphetamine; 141,7972 gam Ketamine; 3,9835 gam MDMA; 8,9119 gam Methamphetamine, MDMA, Ketamine; 0,5109 gam Amphetamine; 0,1968 gam Dizepam.

Ngày 19/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phan Thị Đ và Trần Ngọc T, để điều tra.

Vật chứng là ma túy thu giữ của Phan Thị Đ và Trần Ngọc T đã được giám định tại Kết luận giám định số 1547/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Kết quả điều tra xác định khoảng cuối tháng 09/2023, T sử dụng tài khoản Telegram tên “Kẻ Đa Tình”, Đ sử dụng tài khoản Telegram tên “Thủy Tiên” liên lạc với người đàn ông tên Q (không rõ lai lịch, không nhớ tên tài khoản Telegram) mua ma túy bán lại cho người mua, kiếm lời. Để thực hiện, Q đã gặp Đ tại khu vực đường Bến Bình Đ, Quận E, rồi đưa cho Đ 01 điện thoại di động có lắp sim số điện thoại, để Đ liên lạc với Q đặt số lượng, loại ma túy và địa chỉ người nhận, sau đó Q sẽ giao ma túy theo yêu cầu của Đ, Đ hoặc T nhận ma túy và trả tiền mua ma túy cho Q bằng tiền mặt; nhằm tránh bị phát hiện, Q, Đ và T thỏa thuận sau mỗi lần giao dịch mua bán ma túy, Q sẽ giao cho Đ và T 01 điện thoại di động mới có lắp

sim số điện thoại mới; nhận được ma túy của Q, Đ và T tháo sim điện thoại di động vứt bỏ (không thu giữ được), cất giấu tại chỗ ở (số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường F, Quận E - nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), khi người mua cung cấp thông tin (số lượng, loại ma túy, số điện thoại và địa chỉ), Đ sẽ chia, đóng gói dưới dạng hàng hóa là thực phẩm, ghi thông tin người nhận, rồi đưa cho T đặt dịch vụ giao hàng xe ôm công nghệ giao ma túy cho người mua. Trong đó, đã xác định được cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Đầu tháng 10/2023, Đ đặt mua của Q 100 gam Methamphetamine, giá 30.000.000 đồng, giao dịch tại khu vực trước hẻm 277 Bến Bình Đ, Phường F, Quận E (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Số ma túy này, Đ và T đã bán hết cho người mua (không rõ lai lịch), thu lợi 5.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Trong tháng 11/2023, Đ đặt mua của Q 50 gam Methamphetamine, giá 15.000.000 đồng, giao dịch tại khu vực trước hẻm 277 Bến Bình Đ, Phường F, Quận E (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Số ma túy này, Đ và T đã bán hết cho người mua (không rõ lai lịch), thu lợi 2.500.000 đồng.

Lần thứ 3: Cuối tháng 12/2023, Đ đặt mua của Q 01 kg ma túy, gồm Methamphetamine; Ketamine; MDMA; Methamphetamine, MDMA, Ketamine; Amphetamine và Dizepam (không rõ khối lượng từng loại), giá 250.000.000 đồng, giao dịch tại khu vực trước hẻm 277 Bến Bình Đ, Phường F, Quận E (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), Đ trả trước cho Q 200.000.000 đồng, nợ lại 50.000.000 đồng. Số ma túy này, Đ và T đã bán một phần cho người mua (không rõ lai lịch), số ma túy còn lại, gồm 748,2999 gam Methamphetamine; 136,7972 gam Ketamine; 3,9835 gam MDMA; 8,9119 gam Methamphetamine, MDMA, Ketamine; 0,5109 gam Amphetamine; 0,1968 gam Dizepam, Đ và T cất giấu tại chỗ ở (số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường F, Quận E - nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), để bán cho người mua, thì bị phát hiện thu giữ như trên.

(2) Ngoài ra, thông qua tài khoản facebook, T đã 02 lần mua ma túy, loại Ketamine của người đàn ông tên K (không rõ lai lịch, không nhớ tên tài khoản facebook và không xác định được thời gian mua ma túy) cất giấu tại chỗ ở của T và Đ (số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường F, Quận E - nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), để sử dụng chung với nhau và bán cho người mua, cụ thể:

Lần thứ nhất: T mua của K 10 gam Ketamine, giá 5.000.000 đồng, số ma túy này T, Đ đã sử dụng hết.

Lần thứ hai: T mua của K 20 gam Ketamine, giá 10.000.000 đồng. Số ma túy này, T và Đ đã bán 05 gam Ketamine, giá 3.000.000 đồng cho người đàn ông tên K1 (không rõ lai lịch), K1 trả trước 2.000.000 đồng, nợ lại 1.000.000 đồng. Còn lại 15 gam Ketamine, T và Đ cất giấu tại chỗ ở (số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường F, Quận E - nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), để bán cho người mua, thì bị phát hiện, thu giữ như trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phan Thị Đ và Trần Ngọc T khai nhận hành vi như trên, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác.

Vật chứng thu giữ: 03 hộp niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 505/24, có chữ ký của giám định viên Bùi Công Danh và cán bộ Bùi Tiến Nhân, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 02 cân điện tử; 01 vali màu đen; nhiều gói nylon chưa qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo và 01 điện thoại di động hiệu Iphone (thu giữ của Phan Thị Đ); 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 điện thoại di động hiệu Oppo và 04 điện thoại di động hiệu Nokia (thu giữ của Trần Ngọc T).

Tại bản Cáo trạng số 535/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 30/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Các bị cáo Phan Thị Đ, Trần Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phan Thị Đ, Trần Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích các tình tiết, chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ h khoản 4, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Xử phạt bị cáo Phan Thị Đ: Tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bổ sung bị cáo Phan Thị Đ: 20.000.000 đồng

Căn cứ h khoản 4, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T: 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Ngọc T: 20.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Luật sư Trần Ngọc H bào chữa cho bị cáo Phan Thị Đ trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, thông qua bạn bè ngoài xã hội đã mua ma túy của đối tượng tên Q về sử dụng và bán kiếm lời. Bị cáo mua ma túy 3 lần nhưng số ma túy mua ở lần thứ 3 mới bán được một ít, còn lại đã bị thu giữ, bị cáo cũng cung cấp nhận dạng và số điện thoại của Q, K1 để cơ quan điều tra xác minh làm rõ; số ma túy thu giữ của bị cáo thấp hơn nhiều so với số lượng ma túy được quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình

sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cũng như xem xét giảm hình phạt bổ sung cho bị cáo vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Luật sư Quỳnh A bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T trình bày: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt đề nghị là nghiêm khắc vì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trình độ văn hoá 8/12, nhận thức pháp luật hạn chế nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy bị cáo đã sử dụng sinh hoạt hết, bị cáo không có công việc, thu nhập nên đề nghị giảm hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Bị cáo Đ mua ma túy với số lượng lớn, gần 1kg các loại ma túy, có nhân thân xấu, 2 lần bị kết án về các tội phạm ma túy, sau khi bị kết án không sửa chữa mà tiếp tục phạm tội nên đề nghị áp dụng hình phạt chung thân đối với bị cáo Đ. Đối với yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và giảm tiền phạt bổ sung đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

Các bị cáo Phan Thị Đ, Trần Ngọc T thống nhất với phần bào chữa của Luật sư không tranh luận bổ sung.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các luật sư không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2024, trong thời gian Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Luật áp dụng trong trường hợp này là Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 vì Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức hình phạt khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều 251 nhẹ hơn so với khởi điểm tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Việc so sánh điều luật nặng hơn hoặc nhẹ hơn phải thực hiện theo nguyên tắc: so sánh hình phạt khởi điểm và so sánh hình phạt cao nhất của khung cuối cùng của hình phạt, sau đó đến hình phạt bổ sung chứ không phải so sánh khung hình phạt cụ thể. Tuy nhiên, khi lượng hình cần áp dụng quy định có lợi của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025 để lượng hình đối với các bị cáo vì với hành vi tương ứng thì mức hình phạt cao nhất khi lượng hình cũng không được vượt quá mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt cụ thể được quy định trong Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Các bị cáo Phan Thị Đ, Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ những hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 16 giờ 30 phút và 22 giờ ngày 17/01/2024, tiến hành kiểm tra tại nhà số 42K1/16 đường Bình Đ, Phường F, Quận E (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) của Phan Thị Đ và Trần Ngọc T bắt quả tang các bị cáo đang có hành vi cất giấu các chất ma túy gồm 748,2999 gam Methamphetamine; 141,7972 gam Ketamine; 3,9835 gam MDMA; 8,9119 gam Methamphetamine, MDMA, Ketamine; 0,5109 gam Amphetamine; 0,1968 gam Dizepam và 05 gam Ketamine. Số ma túy này Đ và T khai mua của người đàn ông tên Q (không rõ nhân thân, lai lịch) vào cuối tháng 12/2023 để bán lại cho người khác kiếm lời. Ngoài ra, Đ và T đã 02 lần mua ma túy của Q vào tháng 10/2023 và tháng 11/2023 và đã bán hết cho người mua (không rõ lai lịch). T còn 02 lần mua ma túy, loại Ketamine của người đàn ông tên K (không rõ lai lịch) một lần 10 gam Ketamine và 1 lần 20 gam Ketamine để cùng Đ sử dụng và bán kiếm lời. Tổng cộng, T và Đ khai đã thu lợi 7.500.000 đồng từ việc mua bán ma túy.

Với hành vi đó, các bị cáo Phan Thị Đ và Trần Ngọc T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phan Thị Đ có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học để sửa đổi mà tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma

túy. Điều này thể hiện thái độ bất chấp, xem thường pháp luật nên cần thiết áp dụng hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung. Các bị cáo Phan Thị Đ và Trần Ngọc T cùng nhau thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để lượng hình theo nguyên tắc đồng phạm.

Ngoài hình phạt chính, cần phạt bổ sung các bị cáo một số tiền để nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo Phan Thị Đ và Trần Ngọc T đều khai nhận phù hợp với nhau là thu lợi số tiền 7.500.000 đồng nên cần buộc các bị cáo liên đới nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[4] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi T và Đ mua ma túy, sử dụng chung với nhau, do chỉ có lời khai, trong khi đó không xác định được thời gian sử dụng ma túy và không có các chứng cứ khác để chứng minh, nên không đủ căn cứ xử lý về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với người đàn ông tên Q và người đàn ông tên K bán ma túy cho Đ và T; người đàn ông tên K1 và những người khác đã mua ma túy của T và Đ, do không xác định được lai lịch, nên không có cơ sở xem xét xử lý.

Đối với các bà Văn Ngọc Mai (mẹ ruột của T) và Phạm Thùy Trang (chị dâu của T), kết quả điều tra xác định bà Mai, Trang không biết các gói hàng Đ nhờ đi giao là ma túy và không liên quan đến hành vi phạm tội của T và Đ, nên không xem xét xử lý.

Đối với các số điện thoại, các tài khoản mạng xã hội có liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã yêu cầu các Công ty viễn thông cung cấp thông tin, dữ liệu để làm rõ, nhưng chưa có kết quả, sẽ xem xét xử lý sau khi có căn cứ.

[5] Xử lý vật chứng:

- Đối với điện thoại, cân điện tử thu giữ của các bị cáo xét liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số ma túy và vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 7; Điều 39; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Phan Thị Đ: Tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 7; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Trần Ngọc T: 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Phan Thị Đ và Trần Ngọc T liên đới nộp lại số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng thu lợi bất chính để nộp ngân sách nhà nước.

-Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) hộp niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 505/24, có chữ ký của giám định viên Bùi Công Danh và cán bộ Bùi Tiến Nhân. Bên trong là ma túy còn lại sau giám định; nhiều gói nylon chưa qua sử dụng.; 01 (một) vali màu đen.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

01 (một) điện thoại Iphone. (màu trắng, không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại Iphone. (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu vàng, không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại OPPO. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại OPPO. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại Nokia. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại Nokia. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại Nokia. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại Nokia. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 02 (hai) cân điện tử.

Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/612 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND tối cao; (1)
- VKSND TP HCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Luật sư; (2)
- THAHS; (2)
- PV06 - CA TP HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (24) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Lâm

